

PHỤ LỤC SỐ 02

DANH MỤC, MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG TỪ NĂM HỌC 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2024/NQ - HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Các khoản thu được trích từ nguồn thu học phí		
1	Tiền bằng tốt nghiệp của học sinh trung học cơ sở (Khoản thu này được trích từ nguồn thu học phí của học sinh để chuyển nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo dùng để mua phôi và hoàn thiện bằng tốt nghiệp)	đồng/học sinh	10.000
2	Tiền giấy in đề, bằng tốt nghiệp của học sinh trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên chương trình trung học phổ thông (Khoản thu này được trích từ nguồn thu học phí của học sinh để chuyển nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo dùng mua giấy in đề thi, phôi và hoàn thiện bằng tốt nghiệp)	đồng/học sinh	12.000
II	Các khoản thu quy định mức tối đa (các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi tiết thu, chi; xác định mức thu để thỏa thuận với cha mẹ học sinh về việc thu đảm bảo thu đủ bù chi, không vượt mức quy định dưới đây)		
1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non công lập vào ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính (trông trẻ thứ 7; trông trẻ trong hè; đón sớm, trả muộn)		
	+ Ngày thứ 7 (chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý, nhân viên; chi tiền điện, nước, văn phòng phẩm)	đồng/học sinh/ngày	60.000
	+ Ngày hè (đã bao gồm trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, ngoài giờ, quản lý)	đồng/học sinh/giờ	6.300
	+ Đón sớm, trả muộn (trong năm học)	đồng/học sinh/giờ	10.000
2	Dịch vụ bán trú		
2.1	Tiền ăn sáng của trẻ mầm non (đã bao gồm phụ phí; dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú; dịch vụ trang thiết bị)	đồng/học sinh/ngày	12.000
2.2	Tiền ăn (nhà trẻ: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; mẫu giáo: 1 bữa chính, 1 bữa phụ; tiểu học, trung học cơ sở: 1 bữa chính, 1 bữa phụ)		
	+ Mầm non, tiểu học	đồng/học sinh/ngày	23.000
	+ Trung học cơ sở (nếu có)	đồng/học sinh/ngày	25.000

2.3	Phụ phí (chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	đồng/học sinh/tháng	65.000
2.4	Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)		
	+ Mầm non, trung học cơ sở (nếu có)	đồng/học sinh/tháng	305.000
	+ Tiểu học	đồng/học sinh/tháng	255.000
2.5	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú) từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học	đồng/học sinh	200.000
3	Dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử	đồng/học sinh/tháng	10.000
4	Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh trong các cơ sở giáo dục (bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)	đồng/học sinh/tháng	30.000
III	Các khoản thu không quy định mức thu, mức trần		
1	Dịch vụ điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh	đồng/học sinh/tháng	Số điện năng tiêu thụ thực tế x đơn giá/số học sinh sử dụng (tính cho học sinh từng lớp)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG